

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT AN THỊNH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT AN THỊNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET AN THINH INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VAT INVEST.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108973808

3. Ngày thành lập: 05/11/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 25, Xóm Trên, Thôn Văn Thượng, Xã Xuân Canh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
2.	Xây dựng nhà không để ở	4102
3.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
4.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
5.	Xây dựng công trình điện	4221
6.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
7.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
8.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
9.	Xây dựng công trình thủy	4291
10.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
11.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
12.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
13.	Phá dỡ	4311
14.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
16.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
17.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
18.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	6810

19.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản (Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	6820
20.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm thuế, tài chính, pháp luật)	6619
21.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm thuế, tài chính, pháp luật)	7020
22.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ (Mục 3 Luật chuyển giao Công nghệ 2017)	7490
23.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
24.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
25.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
26.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Trừ hoạt động dịch vụ báo cáo tòa án; Trừ hoạt động đấu giá; Trừ hoạt động đòi nợ)	8299
27.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
28.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
29.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
30.	Bốc xếp hàng hóa	5224
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Logistics; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;	5229
32.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
33.	Đào tạo sơ cấp	8531
34.	Đào tạo trung cấp	8532
35.	Đào tạo cao đẳng	8533
36.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Trung tâm ngoại ngữ, tin học; - Thành lập trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp (Nghị định 135/2018/NĐ-CP)	8559
37.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Dịch vụ tư vấn giáo dục, Dịch vụ tư vấn du học (Nghị định 135/2018/NĐ-CP)	8560

38.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Phòng khám đa khoa; Phòng khám nội tổng hợp; Phòng khám chuyên khoa thuộc hệ nội: Tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, nhi và chuyên khoa khác thuộc hệ nội; Phòng khám tư vấn sức khỏe hoặc phòng tư vấn sức khỏe qua các phương tiện công nghệ thông tin, viễn thông; Phòng khám chuyên khoa ngoại; Phòng khám chuyên khoa tâm thần; Phòng khám chuyên khoa ung bướu; Phòng khám chuyên khoa da liễu; Phòng khám chuyên khoa y học cổ truyền; Phòng chẩn trị y học cổ truyền; Phòng khám chuyên khoa dinh dưỡng; (Khoản 3 Điều 10 Nghị định 155/2018/NĐ-CP)	8620
39.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8692
40.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Phòng khám chuyên khoa phục hồi chức năng; Phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ; (Khoản 3 Điều 10 Nghị định 155/2018/NĐ-CP).	8699
41.	Đại lý du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (Điều 31 Luật du lịch 2017)	7911
42.	Điều hành tua du lịch	7912
43.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
44.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
45.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4610
46.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: - Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)	5610
47.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)	5630
48.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt nguội, xúc xích, rau củ đông lạnh, gia vị, hương liệu chuyên dùng và các sản phẩm từ thịt. Bán buôn sữa tươi, sữa bột, sữa cô đặc và sản phẩm sữa như bơ, phomat. Bán buôn các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột. Bán buôn thủy sản, bán buôn bánh mì, pizza, hamburger, sandwich. Bán buôn rau, quả	4632
49.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn. Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
50.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ	4781
51.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn Chi tiết: Sản xuất bánh mì, pizza, hamburger, sandwich	1075

52.	Bán buôn tổng hợp	4690
53.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
54.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thịt nguội, xúc xích, rau củ đông lạnh, gia vị, hương liệu chuyên dùng và các sản phẩm từ thịt. Bán lẻ sữa tươi, sữa bột, sữa cô đặc và sản phẩm sữa như bơ, phomat. Bán lẻ các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột. Bán lẻ thủy sản. Bán lẻ bánh mì, pizza, hamburger, sandwich. Bán lẻ rau, quả	4722
55.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ rượu, bia; đồ uống không có cồn	4723
56.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
57.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
58.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: Dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử (Điều 25 Nghị định 52/2013/NĐ-CP)	6311
59.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng	2829
60.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	4659
61.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi.	4663
62.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
63.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu.	7730
64.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649

65.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt thép; Bán buôn vàng trang sức và kim loại quý khác	4662
66.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
67.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải; Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn hàng may mặc; Bán buôn giày dép	4641
68.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ giày dép trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐOÀN THANH LÂM	Thôn Tiên Kha, Xã Tiên Dương, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	10,000	001074011543	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	10,000		

2	BÙI TRUNG ĐỨC	Thôn Chợ Đập, Xã An Bình, Huyện Lạc Thủy, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	10,000	113606661	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	10,000		
3	HOÀNG VĂN AN	Số nhà 25, Xóm Trên, Thôn Văn Thượng, Xã Xuân Canh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.400.000	24.000.000.000	80,000	012760824	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.400.000	24.000.000.000	80,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG VĂN AN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 09/05/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012760824

Ngày cấp: 22/05/2013

Nơi cấp: CA TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 25, Xóm Trên, Thôn Văn Thượng, Xã Xuân Canh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 25, Xóm Trên, Thôn Văn Thượng, Xã Xuân Canh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội